

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Hưng**

Ông **Nguyễn Phi Hùng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Kiều Trang** – Thư ký TAND Tp. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn S2** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2019 theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 26 tháng 03 năm 1984 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKHTT: Đội 4, thôn A, xã B, huyện C, Tp. Đà Nẵng; Nơi ở: Tổ 34 phường D, quận E, Tp. Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông: Nguyễn Y (s) và bà Trần Thị L (s), có vợ Nguyễn Thị N; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2018, hiện đang bị tạm giam. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Nguyễn Thị Hường** – Công ty luật Tiếng Dân, Thuộc đoàn luật sư Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

*** Bị hại:**

- Anh **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1983 – Nơi cư trú: Số 30 Đường F, tổ 31, phường H, quận L, Tp. Đà Nẵng (Đã chết);

Đại diện hợp pháp của bị hại: Bà **Trần Thị Hồng L2**, sinh năm 1956 và ông **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1953 - Nơi cư trú: Số 30 Đường F, tổ G, phường H, quận L, Tp. Đà Nẵng (Cha, mẹ của bị hại); Ông T ủy quyền cho bà L2 tham gia tố tụng. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh **Huỳnh S**, sinh năm 1983 – Nơi cư trú: Tổ 33 phường N, phường M, quận O, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1973 – Nơi cư trú: Tổ 34 phường D, quận E, Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

- Anh **Trần Văn T2**, sinh năm 1968 – Nơi cư trú: 44 đường R, quận L, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Anh **Đặng Anh T3**, sinh năm 1986 – Nơi cư trú: Tổ 08 phường D, quận E, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- Anh **Lâm Văn S**, sinh năm 1982 – Nơi cư trú: thôn G, xã B, huyện C, Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

- Anh **Đoàn Văn D**, sinh năm 1989 – Nơi cư trú: Tổ 08 phường P, quận E, Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

- Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1950 – Nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện C, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Anh **Tán Phạm Hoàng N**, sinh năm 1984 – Nơi cư trú: Tổ 20 phường D, quận E, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt)

- Anh **Ngô Đình V**, sinh năm 1985 – Nơi cư trú: 143 Đường S, tổ 21, phường D, quận E, Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

- Anh **Ngô Đình S2**, sinh năm 1985 – Nơi cư trú: Tổ 24 phường D, quận E, Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

- Chị **Đặng Thị Đ**, sinh năm 1971 – Nơi cư trú: Số 145 Đường S, phường D, quận E, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 04/10/2018, Nguyễn Chí T (SN: 1983, trú: 30 Đường F, phường H, quận L, Tp. Đà Nẵng), Ngô Đình V (SN: 1985, Trú: 143 Đường S, phường D, quận E, Tp. Đà Nẵng), Tán Phạm Hoàng N (SN: 1984, Trú: Tổ 20, phường D, quận E, Tp. Đà Nẵng), Đoàn Văn D (SN: 1989, Trú: Tổ 8, phường Hòa Phát, quận E, Tp. Đà Nẵng), Lâm Văn S (SN: 1982, Trú: Thôn G, xã B, huyện C, Tp. Đà Nẵng) cùng ngồi uống rượu tại quán nhậu của Nguyễn Văn S (địa chỉ: Lô 6, khu tái định cư thuộc xã B, huyện C, Tp. Đà Nẵng) – quán mới khai trương. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T qua quán Bê thui J do bà Nguyễn Thị H (SN: 1950, nơi cư trú: thôn K, xã B, huyện C, Tp. Đà Nẵng) – làm chủ, đứng trước quán để tiểu tiện, S thấy vậy nên qua dẫn T về. Một lúc sau, T tiếp tục qua quán Bê thui J, cầm vỏ chai bia ném vào trong quán làm cho nhân viên và khách trong quán J hoảng sợ bỏ chạy hết ra phía sau. S đang phục vụ khách

bên quán mình thì nghe tiếng la chửi, đập đồ bên quán J nên qua dẫn T về quán rồi đi qua lại xin lỗi chủ quán J. Khi S đang nói chuyện bên quán J thì T tiếp tục gây sự với khách trong quán của S, T lật bàn làm đổ thức ăn nên khách đứng dậy bỏ về. T3 và S gọi T về bàn thì bị T dùng tay đánh vào mặt của T3 và S nên T3, S bỏ về. S thấy vậy liền chạy về quán để can ngăn thì bị T dùng tay đánh vào mặt, dùng chân đạp vào ngực S làm S ngã xuống đất, T lấy xiên nướng đòi đánh S thì được mọi người can ngăn. Vì sợ T tiếp tục quậy phá quán nên lấy xe máy chở T về nhà V (tại 143 Đường S, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng). S bức tức vì T đã vô cớ quậy phá quán và đánh mình nên Đ lấy xe máy chạy theo để đánh T nhưng mọi người trong quán can ngăn, chị Trần Thị L (SN: 1967, nơi cư trú: 72 đường Z, phường X, quận E, thành phố Đà Nẵng) đã lấy chìa khóa xe không cho S đuổi theo. S vào trong bếp lấy một con dao nhọn dài khoảng 30 cm (thường dùng để làm thịt chó) mang ra thì chị L sợ nên vớt chìa khóa xe lại, S điều khiển xe mô tô BKS: 43C1-044.XX đuổi theo T. Khi đi ngang qua nhà V, S thấy V đang dẫn T lên cầu thang nên xuống xe cầm dao vừa đi vừa gọi tên T. T và V đang đi lên bậc cầu thang thứ 2 thì nghe S gọi nên đứng lại. S đi đến đứng dưới bậc cầu thang dùng tay trái cầm lai áo của T kéo xuống để nói chuyện, T quay lại dùng tay đánh S nhưng không trúng, T dùng tay phải kẹp cổ S liền ngay lúc đó S cầm dao đâm thẳng về phía trước trúng vào vùng bụng của T. T bị đâm trúng nên tay trái ôm bụng, tay phải vẫn kẹp cổ S trong tư thế T và S đứng khom người, hơi đối diện nhau để vật S xuống nền nhà, S tiếp tục dùng dao đâm một nhát theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào vùng vai trái của T. T thả S ra rồi lúi lại nằm xuống nền nhà. Thấy vậy, S bỏ đi qua tiệm T2óc tây của chị Đặng Thị Đ (SN: 1971, Trú: 145 Đường S, phường D, quận E, TP Đà Nẵng) bên cạnh nhà V, nhờ chị Đ gọi xe cấp cứu cho T rồi bỏ đi về quán nhậu. T được mọi người đưa đi cấp cứu sau đó tử vong.

Đến 01 giờ 00 ngày 05/10/2018, S đến Công an quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp con dao gây án.

Tang vật thu giữ: 01 con dao dài khoảng 30 cm; 01 xe mô tô hiệu Honda PCX BKS: 43C1-04492; Giấy đăng ký xe BKS: 43C1-044XX mang tên Huỳnh S

Tại Bản kết luận giám Đ số: 147/GĐ-PY ngày 10/10/2018 của Phòng kỹ Thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

Nguyên nhân chết của Nguyễn Chí T là do mất máu, suy hô hấp, truy tìm mạch do đứt gan.

Tại Bản kết luận giám định số: 859/C09C(DD5) ngày 03/12/2018 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Trên con dao có máu của Nguyễn Chí T.
- Mẫu máu T2 tại hiện trường là máu của Nguyễn Chí T.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 16/2019/ CT-VKS-P1 ngày 20/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội "Giết người" theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội: Giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản cáo trạng; xác định hành vi của bị cáo là phạm tội “Giết người”; hậu quả của vụ án là rất nghiêm trọng làm cho bị hại tử vong và đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 2 Điều 123; các điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt Nguyễn Văn S mức án tù 09 đến 10 năm tù

Về trách nhiệm dân sự và việc bồi thường thiệt hại: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại tại phiên tòa, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường các chi phí hợp lý trong việc điều trị ban đầu, chi phí mai táng, tiền tổn thất tinh thần với số tiền là 90.000.000 đồng (ngoài số tiền 70.000.000 đồng mà gia đình bị cáo đã bồi thường thay).

Về xử lý vật chứng: Đại diện VKS đề nghị căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý tang vật theo quy định của pháp luật đã được nêu tại bản cáo trạng.

+ Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như cáo trạng đã kết luận; đề nghị HĐXX xem xét nhân nhân của vụ án, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với tội danh, điểm khoản điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, luật sư cho rằng trong vụ án này nguyên nhân là do bị hại đã có hành vi vi phạm pháp luật khiến cho bị cáo bị kích động về tinh thần nên mới thực hiện hành vi phạm tội; cụ thể bị hại đã có hành vi gây rối, quậy phá, đánh đuổi khách tại nơi kinh doanh buôn bán của bị cáo trong điều kiện bị cáo mới khai trương quán, khi được can ngăn thì bị hại tiếp tục đánh và đe dọa đánh bị cáo và những người khác nên mới dẫn đến việc bị cáo bức xúc mà thực hiện hành vi phạm tội. Luật sư đề nghị khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nguyên nhân của vụ án, lỗi của bị hại; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo ra tự thú ngay sau khi gây án khi vụ án chưa được phát hiện và khởi tố, quá trình tố tụng đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải; sau khi đâm bị hại thì bị cáo có nhờ chị Đ gọi xe cấp cứu đưa bị hại đi bệnh viện, sau khi hay tin bị hại chết bị cáo đã tác động gia đình

thăm hỏi, động viên và bồi thường một phần thiệt hại về vật chất cho gia đình bị hại mặc dù điều kiện kinh tế của bị cáo rất khó khăn; bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự có thể quân nhân dự bị, nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; gia đình bên vợ bị cáo có công với cách mạng; hoàn cảnh hiện nay của bị cáo rất khó khăn vợ đau ốm thường xuyên, cha mẹ già yếu thuộc diện khó khăn tại địa phương... Luật sư đề nghị áp dụng các điểm b, e, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án nhẹ hơn mức án Viện kiểm sát đã đề nghị và xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt.

+ Đại diện hợp pháp của người bị hại cho rằng N nhận của vụ việc cũng có 1 phần lỗi của con mình, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo và đề nghị buộc bị cáo tiếp tục bồi thường những chi phí, tổn thất do tính mạng bị xâm phạm theo quy định của pháp luật.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị N đề nghị HĐXX xem xét trả lại chiếc xe mô tô bị cáo sử dụng khi gây án vì đây là tài sản chung của vợ chồng và có nguyện vọng xin lại xe bán lấy tiền tiếp tục đền bù cho gia đình bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Qua xem xét lời khai nhận của bị cáo; lời trình bày của đại diện hợp pháp của bị hại; lời khai của các nhân chứng và người liên quan; quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, luận cứ bào chữa của luật sư và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Do bức tức về việc bị hại Nguyễn Chí T có hành vi thiếu văn hóa khi quậy phá quán Bê thui J, sau khi được can ngăn T tiếp tục quay về quậy phá quán nhậu mới khai trương của Nguyễn Văn S mở tại địa chỉ: Lô 6, khu tái Đ cư thuộc xã B, huyện C, TP Đà Nẵng). Cụ thể: T đã có hành vi lật đổ bàn thức ăn của khách, khiến cho khách bỏ ra về; khi S cùng một số người khác can ngăn hành vi của T thì T tiếp tục dùng tay chân đánh và đập vào ngực của S, T tiếp tục lấy cây sắt dùng để xiên nướng đòi đánh S thì được Ngô Đình V can ngăn và dùng xe máy để chở T về nhà V (tại 143 Đường S, phường D, quận E, thành phố Đà Nẵng). S bức tức vì T đã vô cớ quậy phá quán và đánh mình nên đã vào

trong bếp lấy một con dao nhọn dài khoảng 30 cm (thường dùng để làm thịt chó) rồi điều khiển xe mô tô BKS: 43C1-044.XX đuổi theo T. Khi đi tới nhà V, S thấy V đang dẫn T lên cầu thang nên xuống xe cầm dao vừa đi vừa gọi tên T, T và V nghe S gọi nên đứng lại. S đi đến đứng dưới bậc cầu thang dùng tay trái cầm lai áo của T kéo xuống để nói chuyện, T quay lại dùng tay đánh S nhưng không trúng, T dùng tay phải kẹp cổ S liền ngay lúc đó S cầm dao đâm thẳng về phía trước trúng vào vùng bụng của T. T bị đâm trúng nên tay trái ôm bụng, tay phải vẫn kẹp cổ S trong tư thế T và S đứng khom người, hơi đối diện nhau để vật S xuống nền nhà, S tiếp tục dùng dao đâm một nhát theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào vùng vai trái của T. Sau khi đâm T xong S đi qua tiệm thuốc tây của chị Đặng Thị Đ nhờ gọi xe cấp cứu để đưa T đi bệnh viện cấp cứu rồi đi về quán nhậu. T được mọi người đưa đi cấp cứu sau đó tử vong. Kết luận giám định pháp y xác định: Nguyễn Chí T chết là do mất máu, suy hô hấp, trụy tim mạch do đứt gan; giám Đ vết máu trên con dao S giao nộp xác Đ vết máu trên con dao chính là máu của T.

Xét hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn S là đặc biệt nguy hiểm, với hung khí sử dụng và cách thức thực hiện hành vi cho thấy bị cáo đã cố ý tước đoạt sinh mạng của bị hại; thực tế hậu quả bị hại chết chính là do N nhân từ hành vi bị cáo thực hiện gây nên; hành vi này của bị cáo là đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại Điều 123 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt: Xét nguyên nhân của vụ án cũng có một phần lỗi của bị hại, đã có hành vi quấy phá nơi buôn bán làm ăn của Nguyễn Văn S trong điều kiện S mới khai trương quán; khi được S và mọi người can ngăn thì T tiếp tục có hành vi dùng tay chân đánh đập S và những người khác, T tiếp tục dùng cây sắt dùng để xiên nướng đe dọa đánh S nhưng được mọi người can ngăn đưa về; hành vi này của T chính là N nhân gây bức xúc, kích động dẫn đến việc S dùng dao đuổi theo đâm T hai nhát vào vùng bụng và vùng vai trái của T khiến T tử vong. Do vậy, HĐXX xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Đà Nẵng truy tố S về tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ phạm tội, hậu quả của vụ án, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hậu quả của vụ án là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến tính mạng của bị hại gây đau thương mất mát không gì bù đắp được cho gia đình bị hại, không những vậy hành vi của bị cáo còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, đối với bị cáo cần có mức án nghiêm khắc.

Bị cáo không có tình tiết tăng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo là bộ đội xuất ngũ, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt từ trước đến nay chưa một lần vi phạm pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi gây án vào lúc 22h ngày 04/10/2018 đến 01h ngày 05/10/2018 bị cáo đã ra đầu thú và giao nộp hung khí gây án tại Công an quận Cẩm Lệ khi vụ án chưa được khởi tố; Nguyên nhân của vụ án có một phần lỗi của bị hại; bị cáo phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động do hành vi vi phạm pháp luật của nạn nhân; quá trình tố tụng bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải về hành vi và việc làm của mình, đã khai nhận hành vi phạm tội của mình một cách thành khẩn; sau khi biết bị hại chết bị cáo đã tác động gia đình của mình thăm hỏi, động viên và bồi thường được 70.000.000 đồng mặc dù điều kiện kinh tế của bị cáo cũng rất khó khăn; tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng đã tự nguyện chấp nhận mọi yêu cầu bồi thường thiệt hại của gia đình bị hại; gia đình bị hại đã có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo; bản thân bị cáo trước đây đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự được cấp thẻ quân nhân dự bị, từ khi trưởng thành đến khi xuất ngũ về lại địa phương bị cáo chưa vi phạm pháp luật lần nào; gia đình vợ bị cáo thuộc diện có công với cách mạng; hoàn cảnh gia đình bị cáo cũng thuộc diện khó khăn, vợ bị bệnh lao phổi đau ốm thường xuyên, cha mẹ già yếu... Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được HĐXX vận dụng cho bị cáo khi lượng hình. Riêng tình tiết giảm nhẹ tự thú theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự theo đề nghị của luật sư HĐXX không chấp nhận vì vụ án xảy ra có nhân chứng chứng kiến và vào lúc 0h45' ngày 05/10/2018 cơ quan chức năng đã nhận được đơn tố giác tội phạm của người dân liên quan đến vụ việc nên chỉ coi đây là biểu hiện của sự thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; hơn nữa hậu quả của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng chết người nên không thể xử phạt bị cáo mức án dưới khung như đề nghị của luật sư.

[4]. Về quyết định hình phạt chính: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự; căn cứ tính chất mức độ phạm tội, hậu quả của vụ án, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo như đã phân tích ở trên, HĐXX quyết định xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và việc bồi thường thiệt hại: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng L2 mẹ của bị hại yêu cầu bị cáo S phải bồi thường các khoản: chi phí điều trị tại bệnh viện, chi phí mai táng và các khoản chi liên quan đến mai táng và tiền tổn thất về tinh thần với tổng số tiền là 160.000.000 đồng; gia đình bị cáo đã bồi thường được 70.000.000 đồng.

Căn cứ quy định tại Điều 591 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 03 ngày 08/07/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết các yêu cầu bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm, căn cứ các hóa đơn chứng từ do gia đình bị hại cung cấp, HĐXX nhận thấy: Yêu cầu của gia đình bị hại là có căn cứ cần chấp nhận; tại phiên tòa bị cáo cũng đã đồng ý bồi thường theo yêu cầu của gia đình bị hại; đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên đương sự về vấn đề dân sự, không trái pháp luật nên HĐXX ghi nhận: Buộc bị cáo Nguyễn Văn S tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 90.000.000 đồng (ngoài số tiền 70.000.000 đồng đã bồi thường).

[6]. Về xử lý tang vật: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên:

- Tiêu hủy 01 con dao dài khoảng 30 cm, là hung khí mà bị cáo đã sử dụng để gây án.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda PCX BKS: 43C1-04492; Giấy đăng ký xe BKS: 43C1-04492 mang tên Huỳnh S; xét xe này là tài sản chung của bị cáo và vợ Nguyễn Thị N, được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Bị cáo đã S dụng chiếc xe này vào việc phạm tội nên cần tịch T2 sung công Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe này. Giao cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành bán đấu giá tài sản, tiền T2 được tịch T2 1/2, trả lại cho bà Nguyễn Thị N 1/2 giá trị còn lại, bà Nguyễn Thị N được quyền ưu tiên mua tài sản này.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

T bố: Bị cáo **Nguyễn Văn S** phạm tội “Giết người”

1/ Căn cứ khoản 2 Điều 123; các điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Nguyễn Văn S **08** (tám) năm tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/10/2018.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 591 Bộ luật dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn S với đại diện hợp pháp của bị hại về việc Nguyễn Văn S phải tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại Nguyễn Chí T số tiền là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*), ngoài số tiền 70.000.000 đồng đã bồi thường.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, những người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Nguyễn Văn S không thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì bị cáo phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian

chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về xử lý tang vật: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự: Tuyên:

- Tiêu hủy 01 con dao dài khoảng 30 cm, là hung khí mà bị cáo đã sử dụng để gây án.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda PCX BKS: 43C1-04492; Giấy đăng ký xe BKS: 43C1-04492 mang tên Huỳnh S; Bị cáo đã S dụng chiếc xe này vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe này. Giao cho cơ quan thi hành án dân sự tiến hành bán đấu giá tài sản, tiền thu được tịch thu 1/2 trả lại cho bà Nguyễn Thị N 1/2 giá trị còn lại, bà Nguyễn Thị N được quyền ưu tiên mua tài sản này.

(Tang vật hiện Cục thi hành án dân sự Tp. Đà Nẵng đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 15 ngày 28 tháng 01 năm 2019 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 01 năm 2019)

4/ Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN;
- Phòng PC 47- CATPĐN;
- Cục THA TP Đà Nẵng;
- Trại giam Hòa S2;
- Những người tham gia tố tụng;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Sở tư pháp thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ.

Trần Minh Long